

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2020

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phước Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Nương.

Ông Lý Ngọc Thanh Long.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Minh Chánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Võ Thị X, sinh năm 1979; cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp C, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1980; cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị X trình bày:*

Vào ngày 29/4/2003, chị X và anh Nguyễn Văn Đ1 tổ chức lễ cưới với nhau

và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 14/01/2014, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian sống chung, chị X và anh Đ1 có hai người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 07/3/2004 và Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 15/8/2014, hiện nay hai con chung đang sống chung với chị X.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vào năm 2014, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh Đ1 đánh chị X. Đến tháng 5 năm 2020, chị X bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng sống cho đến nay và chị X với anh Đ1 không còn chung sống từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay.

Nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ1.
- Về con chung: Chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 07/3/2004 và Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 15/8/2014 đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn Đ1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, thời gian không còn sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị X trình bày.

*Nay trước yêu cầu của chị X, anh Đ1 có ý kiến như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ1 đồng ý ly hôn với chị Võ Thị X.
- Về con chung: Anh Đ1 đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 07/3/2004 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu N. Anh Đ1 không đồng ý giao cháu Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 15/8/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn Đ2 đến tuổi thành niên, anh Đ1 không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi cháu Đ2.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị X và anh Đ1 sống chung không hạnh phúc, không còn sống chung với nhau thời gian dài, chị X yêu cầu được ly hôn với anh Đ1 và anh Đ1 cũng đồng ý ly hôn với chị X nên đề nghị Tòa án cho chị X được ly hôn với anh Đ1. Về con chung, đề nghị Tòa án chấp nhận giao hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 07/3/2004 và Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 15/8/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị X không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 07/3/2004 có nguyện vọng muốn được sống chung với chị X và hiện nay cháu Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 15/8/2014 đang sống chung với chị X nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N, cháu Đ2 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; chị X không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị X; cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và anh Nguyễn Văn Đ1 cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị X có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đ1. Chị X và anh Đ1 có hai con chung nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị X đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú đã thụ lý đơn và thông báo cho chị X nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị X đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Võ Thị X là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị X, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1980 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số I/2014 ngày 14 tháng 01 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Đ1 là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị X, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị X, anh Đ1 hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần do anh, chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường hay cãi vã, anh Đ1 đánh chị X. Đến tháng 5 năm 2020, thì anh, chị không còn sống chung cho đến nay. Chị X và anh Đ1 đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X.

[5] Về con chung:

[5.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 07/3/2004 và Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 15/8/2014 đến tuổi thành niên. Anh Đ1 đồng ý giao cháu N cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Đ1 không đồng ý giao cháu Đ2 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn Đ2 đến tuổi thành niên.

[5.2] Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị X và anh Đ1, Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi ý kiến ngày 12 tháng 8 năm 2020, cháu Nguyễn Thị Ngọc N thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là chị X. Đối với cháu Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 15/8/2014, từ khi sinh ra cho đến nay cháu Đ2 đều do chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm cháu Đ2 gắn bó với chị X nhiều hơn và theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Căn cứ vào quy định nêu trên và nhằm để cho cháu N và cháu Đ2 ổn định, không bị xáo trộn về cuộc sống hiện tại, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Ngọc N và cháu Nguyễn Tấn Đ2 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật và cũng nhằm để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N và cháu Đ2.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị X không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi hai con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Văn Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Đ1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị X.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh Đ1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị Võ Thị X là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, anh Nguyễn Văn Đ1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị X và anh Nguyễn Văn Đ1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 07/3/2004 và Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 15/8/2014 cho chị Võ Thị X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Văn Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Đ1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị X.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh Đ1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Võ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006109 ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và như vậy chị Võ Thị X đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Đặng Phước Tuấn**